

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÀU BÀNG
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 03-9-2020

V/v ly hôn và tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÀU BÀNG, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quốc Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Hoàng Vĩnh.

Ông Nguyễn Huỳnh Nguyên Vỹ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Kiều Vĩnh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Võ Thanh Huyền – Kiểm sát viên.

Ngày 03 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 113/2020/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 4 năm 2020 về việc Ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 24/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mộng N, sinh năm 1976; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, có mặt.

- Bị đơn: Ông Trần Thành C, sinh năm 1973; địa chỉ: ấp H, xã T, huyện Bầu Bàng, tỉnh Bình Dương, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11-3-2020, bản tự khai ngày 23-4-2020, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Võ Thị Mộng N trình bày:

Về hôn nhân: Bà Võ Thị Mộng N chung sống với ông Trần Thành C từ năm 1998, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, ngày 16-12-1998. Quá trình chung sống, vợ chồng có thường xuyên xảy ra mâu

thuần. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng hay cãi vã về nhiều vấn đề trong cuộc sống, ông C có đánh bà N. Nay tình cảm vợ chồng không còn, bà N yêu cầu được ly hôn với ông C.

Về con chung: Quá trình chung sống, vợ chồng có ba con chung là cháu Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1999 và cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 07-7-2002, Trần Võ Thành N, sinh ngày 15-10-2016. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Võ Thành Nh, sinh ngày 15-10-2016, bà N không yêu cầu cấp dưỡng cho con; cháu Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1999 và cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 07-7-2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về chia tài sản chung, nợ chung: bà N không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn là ông Trần Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để lấy lời khai nhưng bị đơn ông Trần Thành C đều vắng mặt không lý do và không có ý kiến trả lời bằng văn bản cho Tòa án đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cũng không đến Tòa án để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận C khai chứng cứ và hòa giải, xét xử. Do đó, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn.

Đương sự không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử: Thẩm phán được phân C thụ lý giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định về thẩm quyền thụ lý đúng quy định tại Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác định tư cách tham gia tố tụng đúng quy định tại Điều 68 Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc xác minh, thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các Điều 95 đến Điều 98 Bộ luật Tố tụng dân sự. Trình tự thụ lý, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát và cho đương sự đúng quy định tại Điều 195, 196 Bộ luật Tố tụng dân sự. Thời hạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán thực hiện đúng quy định tại Điều 203 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 63, 239, 243, 249, 258, 260 Bộ luật Tố tụng dân sự, Thư ký đã thực hiện đúng quy định tại các Điều 51, 237 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: bà Võ Thị Mộng N và ông Trần Thành C trong quá trình chung sống đã có phát sinh mâu thuẫn, đã xảy ra bạo lực gia đình, hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên toà và căn cứ kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nhận định:

[1] Về tố tụng: yêu cầu khởi kiện của bà Võ Thị Mộng N về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con. Bị đơn là ông Trần Thành C có nơi cư trú tại ấp H, xã T, huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn là ông Trần Thành C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt và không gửi ý kiến bằng văn bản cho Tòa án là chưa thực hiện đúng quy định về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định pháp luật, Tòa án không ghi nhận được ý kiến của bị đơn. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về hôn nhân: bà Võ Thị Mộng N chung sống với ông Trần Thành C từ năm 1998, hôn nhân có tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 11, ngày 16-12-1998 nên là hôn nhân hợp pháp. Sau thời gian chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do vấn đề tình cảm, kinh tế, cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc (theo biên bản xác minh tình trạng hôn nhân ngày 01-6-2020 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Bàu Bàng). Do đó, có cơ sở xác định: bà N và ông C không còn thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau; không còn cùng nhau chia sẻ, thực hiện các C việc trong gia đình, đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Bà N yêu cầu ly hôn với ông C là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: bà N và ông C có ba con chung là cháu Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1999 và cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 07-7-2002, Trần Võ Thành N, sinh ngày 15-10-2016. Đối với cháu Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1999 và cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 07-7-2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Khi ly hôn, bà N yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Trần Võ Thành Nh, sinh ngày 15-10-2016, bà N không yêu cầu ông C cấp dưỡng cho con. Xét, cháu Nh hiện do bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N có nghề nghiệp, thu nhập ổn định và đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc con. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ giao cháu Nh cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, bà N không yêu cầu cấp dưỡng cho con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết, theo quy định tại các Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: nguyên đơn bà Võ Thị Mộng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[6] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 56, các Điều 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Võ Thị Mộng N đối với bị đơn ông Trần Thành C về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

- Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Võ Thị Mộng N và ông Trần Thành C.

- Về con chung: Giao cháu Trần Võ Thành Nh, sinh ngày 15-10-2016 cho bà Võ Thị Mộng N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Võ Thị Mộng N không yêu cầu cấp dưỡng cho con.

Cháu Trần Thị Châu Đ, sinh năm 1999 và cháu Trần Thị Anh T, sinh ngày 07-7-2002 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung.

Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về chia tài sản chung, nợ chung: các đương sự không tranh chấp về tài sản chung, nợ chung nên Tòa án không giải quyết.

2. Về án phí: Bà Võ Thị Mộng N phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí bà Võ Thị Mộng N đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0038763 ngày 25-3-2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bàu Bàng.

Nguyên đơn có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND huyện Bàu Bàng;
- Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Bàu Bàng;
- UBND xã P, huyện G, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án (nếu có);
- Lưu: Hồ sơ vụ án, văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Quốc Dũng